

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 296/2022/DS-ST

Ngày: 29/7/2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO- TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Vũ Hoài Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Anh Chiến;

2/ Ông Phạm Thanh Danh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Minh Quân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo: Ông Đỗ Huỳnh Thanh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 29/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2021/TLST-DS ngày 17/3/2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2022/QĐXXST-DS ngày 04/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2022/QĐST-DS ngày 20/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP triển thành phố H.

Địa chỉ: 25Bis, K, phường B, quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Minh T - Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo T1 - Giám đốc Trung tâm xử lý nợ kiêm Trưởng phòng xử lý nợ Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền lại: Nguyễn Văn T2 - Giám đốc Chi nhánh Tiền Giang.

Ông T2 ủy quyền lại cho chị Nguyễn Thị C3 N - Chuyên viên quan hệ khách hàng(có mặt).

Địa chỉ: 95 - 96, đường M, phường 5, TP M1, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Ông Lê Văn C - Sinh năm 1961(vắng mặt).
2. Bà Cao Thị S – Sinh năm: 1960 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện G, tỉnh Tiền Giang

- Người có quyền lợi và Nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn C1 - Sinh năm: 1986 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện G, tỉnh Tiền Giang
2. Ông Lê Văn C2 – Sinh năm: 1987 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện G, tỉnh Tiền Giang
3. Bà Lê Thị Ngọc C3 – Sinh năm: 1989 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện G, tỉnh Tiền Giang
4. Bà Lê Thị Ngọc C4– Sinh năm: 1993 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện G, tỉnh Tiền Giang

NỘI C4 VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2021, tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Cẩm N: Ngân hàng TMCP Phát triển TP. H đã cho ông Lê Văn C - bà Cao Thị S vay tiền theo các Hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ sau:

1. Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 09275/18MN/HĐTD từ ngày 04/05/2018 đến ngày 04/05/2021:

Theo giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 09275/18MN/HĐTD/ĐNGN-KUNN/CN/01 ngày 07/05/2018, cụ thể: Số tiền vay: 800.000.000 đồng, số tiền giải ngân: 800.000.000 đồng, thời hạn vay: từ ngày 08/05/2018 đến 07/05/2019, lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân: 11%/ năm (cố định 3 tháng, lãi suất cho các kỳ thay đổi lãi suất tiếp theo = Lãi suất LS13 +4.2%/năm), mục đích vay: Bổ sung vốn trồng trọt – bổ sung vốn trồng thanh long ruột trắng và ruột đỏ.

Theo giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 09275/18MN/HĐTD/KUNN/02 ngày 08/05/2019, cụ thể: Số tiền vay: 800.000.000 đồng. số tiền giải ngân: 800.000.000 đồng. thời hạn vay: từ ngày 09/05/2019 đến 08/05/2020, lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân: 11 %/ năm (cố định 3 tháng, lãi suất cho các kỳ thay đổi lãi suất tiếp theo = Lãi suất LS13 +4.2%/năm), mục đích vay: Bổ sung vốn trồng trọt – bổ sung vốn trồng thanh long ruột trắng và ruột đỏ.

Theo giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 09275/18MN/HĐTD/KUNN/03 ngày 18/05/2020, cụ thể: Số tiền vay: 800.000.000 đồng, số tiền giải ngân: 800.000.000 đồng, thời hạn vay: từ ngày 16/05/2020 đến 15/05/2021, lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân: 12 %/ năm (cố định 3 tháng, lãi suất cho các kỳ thay đổi lãi suất tiếp theo = Lãi suất LS13 +4%/năm), mục đích vay: Bổ sung vốn trồng trọt – bổ sung vốn trồng thanh long ruột trắng và ruột đỏ.

2. Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 13336/20MN/HĐTD từ ngày 16/05/2020 đến ngày 15/05/2021, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 13336/20MN/HĐTD/KUNN01 ngày 15/05/2020 như sau: Số tiền vay: 100.000.000 đồng, số tiền giải ngân: 70.000.000 đồng, thời hạn vay: từ ngày 16/05/2020 đến 15/05/2021, lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân: 12%/ năm (cố định 3 tháng, lãi suất cho các kỳ thay đổi lãi suất tiếp theo = Lãi suất LS13 +4.5%/năm), mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động – bổ sung vốn mua bán thanh long: thanh toán tiền mua thanh long.

Tổng số tiền mà phía ông C và bà S vay của Ngân hàng là 870.000.000 đồng.

Khi vay tiền ông C và bà S có thể chấp tài sản gồm:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 129, tờ bản đồ số 11, ấp L, xã Q, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 702661, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: H00049 do Ủy ban nhân dân Huyện G tỉnh Tiền Giang cấp ngày 04/12/2009, cập nhật thay đổi ngày 01/06/2017.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 11, ấp L, xã Q, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 702662, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: H00050 do Ủy ban nhân dân Huyện G tỉnh Tiền Giang cấp ngày 04/12/2009, cập nhật thay đổi ngày 01/06/2017.

3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 131, tờ bản đồ số 11, ấp L, xã Q, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 975416, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: CS26741 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 04/12/2009, cập nhật thay đổi ngày 19/07/2017.

Khi thế chấp tài sản các thành viên hộ gia đình của ông C và bà S đều có ký tên đồng ý thế chấp để đảm bảo các khoản vay nói trên.

Đến nay, phía ông C và bà S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặt dù Ngân hàng đã tìm mọi cách, tạo điều kiện thuận lợi cho ông C và bà S trả nợ để Ngân

hàng thu hội nợ nhưng không được.

Do đó, nay phía Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà S phải trả số tiền nợ cho Ngân hàng và cộng lãi suất là 1.132.038.133 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Nếu ông C và bà S không có khả năng trả nợ, thì Ngân hàng yêu cầu được phát mãi tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hội nợ.

* Phần trình bày của bị đơn là ông Lê Văn C và bà Cao Thị S: Thống nhất còn nợ Ngân hàng số tiền nợ là 870.000.000 đồng và xin trả làm 02 lần 1 trả 400.000.000 đồng và lần 02 trả 470.000.000 đồng. Cả hai xin không trả lãi cho Ngân hàng.

* Phần trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Lê Thị Ngọc C3, Lê Văn C2, Lê Thị Ngọc C4 và Lê Văn C1: Có đơn xin vắng mặt.

* Tại phiên Toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự và xác định về việc chấp hành tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc và các khoản phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP Phát triển TP. H có đơn khởi kiện đối với ông C và bà S. Ông C và bà S có địa chỉ tại địa bàn huyện G nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP Phát triển TP. H khởi kiện ông C và bà S để yêu cầu Tòa án giải quyết buộc phải trả nợ theo các hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

[3]. Về đương sự trong vụ án: Ngân hàng TMCP Phát triển TP. H có đơn khởi kiện đối với ông C và bà S nên căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự Ngân hàng TMCP Phát triển TP. H là nguyên đơn trong vụ án và ông C và bà S là bị đơn trong vụ án.

Trong vụ án, từ khi thụ lý và đến khi xét xử, các bên đương sự tranh chấp phần đất có liên quan đến các thành viên hộ gia đình và người trực tiếp sử dụng đất nên cần đưa vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự gồm: Anh C2, anh C1, chị C3 và chị C4.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử nhận thấy không còn ai cần đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là đương sự của vụ án.

[4]. Về yêu cầu đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông C và bà S phải trả số tiền nợ gốc và lãi là 1.132.038.133 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định: Giao dịch vay tiền giữa các đương sự là có thật, được các bên đương sự thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Phía nguyên đơn căn cứ vào 02 Hợp đồng tín dụng để khởi kiện đòi nợ, 02 Hợp đồng tín dụng trên được phía bị đơn là ông C và bà S thừa nhận nên phía nguyên đơn có đủ cơ sở chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình và đồng thời ông C và bà S không có tranh chấp về tiền vốn và phần lãi suất nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ này để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Đối với ông C và bà S thống nhất số nợ tiền nợ gốc là 870.000.000 đồng, thừa nhận vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nhưng xin được không trả lãi và không được phía Ngân hàng đồng ý nên yêu cầu không được trả lãi là không có cơ sở.

Xét lời trình bày của phía nguyên đơn là có cơ, phù hợp quy định pháp luật và phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Xét lời trình bày của phía bị đơn là không có cơ sở, không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là có cơ sở, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Đối với ông C vắng mặt lần 02, bà S, anh C2, anh C1, chị C3 và chị C4 có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những đương sự này.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông C và bà S được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chứng tín dụng;

- Áp dụng khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. H.

1.1. Buộc phía ông Lê Văn C và bà Cao Thị S phải trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển TP. H số tiền là 1.132.038.133 đồng (Một tỉ một trăm ba mươi hai triệu không trăm ba mươi tám đồng một trăm ba mươi ba đồng), trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 30/07/2022, ông C và bà S còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Phát triển TP. H khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 09275/18MN/HĐTD từ ngày 04/05/2018 đến ngày 04/05/2021 và Hợp đồng tín dụng số 13336/20MN/HĐTD từ ngày 16/05/2020 đến ngày 15/05/2021.

1.2. Trường hợp ông C và bà S không trả được nợ, thì Ngân hàng TMCP Phát triển TP. H được quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp gồm:

1.2.1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 129, tờ bản đồ số 11, ấp L, xã Q, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 702661, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: H00049 do Ủy ban nhân dân Huyện G tỉnh Tiền Giang cấp ngày 04/12/2009, cập nhật thay đổi ngày 01/06/2017.

1.2.2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 11, ấp L, xã Q, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 702662, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: H00050 do Ủy ban nhân dân Huyện G tỉnh Tiền Giang cấp ngày 04/12/2009, cập nhật thay đổi ngày 01/06/2017.

1.2.3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 131, tờ bản đồ số 11, ấp L, xã Q, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 975416, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: CS26741 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 04/12/2009, cập nhật thay đổi ngày 19/07/2017.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ngân hàng TMCP Phát triển TP. H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 20.035.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004743 ngày 11/03/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

2.2. Ông C và bà S được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án, riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H.Chợ Gạo;
- Chi cục THADS H.Chợ Gạo;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Vũ Hoài Phương